



TỔNG CỤC THỐNG KÊ CỤC THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Thu ngân sách		84,43%
Chi ngân sách		107,41%
Diện tích gieo trồng cây hàng năm		93,15%
Chỉ số sản xuất công nghiệp		105,00%
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách NN		105,35%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng		118,30%
Kim ngạch xuất khẩu		97,50%
Doanh thu du lịch		207,38%
Chỉ số giá tiêu dùng bình quân		103,82%

Tốc độ phát triển của các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu
5 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm trước

KHÁNH HÒA, 5/2023

Số: /BC-CTK

Khánh Hòa, ngày tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp 5 tháng đầu năm 2023 diễn ra trong tình hình thời tiết bất lợi cho vụ lúa Đông Xuân, đầu vụ nắng nóng, cuối vụ có mưa là điều kiện cho sâu bệnh phát triển mạnh làm cho năng suất và sản lượng lúa giảm so vụ Đông Xuân năm trước. Tuy nhiên, giá lúa Đông Xuân tăng do nhu cầu xuất khẩu gạo tăng mạnh là tín hiệu tích cực cho nông dân ổn định sản xuất vụ Hè Thu sắp tới. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển tốt, các trang trại và hộ nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục tái đàn sau khi xuất bán nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước. Khai thác thủy sản giảm do nhiều tàu cá vẫn còn nằm bờ mặc dù giá xăng dầu trong tháng 5/2023 đã được điều chỉnh giảm và đang trong vụ khai thác chính; nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định do nhu cầu tăng nên người dân mạnh dạn thả nuôi.






a. Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trong tháng 5/2023 tập trung chủ yếu chăm sóc, thu hoạch cây trồng vụ Đông Xuân 2022 - 2023 và gieo trồng vụ lúa Hè Thu. Toàn tỉnh cơ bản đã thu hoạch xong 19.461 ha lúa Đông Xuân với sản lượng 123.043,2 tấn, giảm 5.591,7 tấn so vụ Đông Xuân năm trước; năng suất bình quân 63,23 tạ/ha, giảm 1,39 tạ/ha, do trong quá trình sinh trưởng cây lúa gặp nhiều đợt mưa đã tạo điều kiện cho sâu bệnh phát triển, nhất là sâu đục thân, đạo ôn, rầy nâu.

Nhằm hạn chế những thiệt hại do bất lợi của thời tiết và phòng trừ sâu bệnh làm ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng vụ Hè Thu 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chuyển đổi cây trồng đối với những vùng nguồn nước không đủ tưới cho cây lúa nhưng đảm bảo tưới cho cây màu ngắn ngày để đảm bảo hiệu quả trong sản xuất; kiên quyết không cho sản xuất đối với những vùng không chủ động hoàn toàn nước tưới và không đảm bảo điều kiện chuyển đổi sang cây trồng khác hoặc không có nguồn

nước tưới. Đồng thời có kế hoạch sửa chữa các công trình bị hỏng, nạo vét hệ thống kênh mương, khơi thông dòng chảy...; tăng cường công tác quản lý phân phối nước chặt chẽ và linh hoạt, tránh thất thoát nước; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả trong mùa nắng nóng.

Diện tích một số cây hàng năm (ha)

				
Lúa	Ngô	Khoai lang	Lạc	Mía
26.017	1.323,1	57,5	209,5	7.603
↓3,62%	↓3,6%	↓4,01%	↓4,08%	↓16,58%

Tính đến thời điểm 15/5/2023, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông Xuân 2022-2023 ước được 40.932,2 ha, bằng 60,19% KH, trong đó cây lương thực 27.340,1 ha, bằng 54,73% (riêng lúa Đông Xuân 19.461 ha, bằng 96,75%; lúa Hè Thu 6.556 ha, bằng 36,48%); cây chất bột có củ 2.576,5 ha, bằng 88,97%; cây thực phẩm 2.306 ha, bằng 42,88%; cây công nghiệp hàng năm 7.993,9 ha, bằng 81,77%. So cùng kỳ năm trước, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm 6,85%, trong đó cây thực phẩm giảm 2,86%; cây lương thực giảm 3,61% (riêng lúa Đông Xuân giảm 2,25%; lúa Hè Thu giảm 7,45%); cây chất bột có củ giảm 12,66%; cây công nghiệp hàng năm giảm 16,11%.

Về chăn nuôi, tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phát triển ổn định, số lượng đàn các trang trại, gia trại nuôi gà, lợn đảm bảo tốt điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học đã tiếp tục đầu tư tái đàn sau khi xuất bán. Ước tính đến cuối tháng 5/2023, tổng đàn trâu hiện có 3.828 con, giảm 2,3% so cùng kỳ năm trước; đàn bò 63.706 con, tăng 0,63; đàn lợn 289,9 nghìn con, tăng 2,25%; đàn gia cầm 3.266 nghìn con, tăng 2,61% (trong đó, đàn gà 2.469,8 nghìn con, tăng 3,24%).

Các đơn vị Thú y thường xuyên giám sát, theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm nhằm phát hiện và xử lý kịp thời. Đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm và tình hình sử dụng chất cấm trong chăn nuôi nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng. Trong tháng 5/2023 trên địa bàn tỉnh chưa phát sinh điểm dịch bệnh gia súc, gia cầm. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện 01 điểm bệnh viêm da nổi cục trâu, bò, làm 01 con bê bị chết; 02 điểm bệnh dịch tả lợn Châu Phi với 98 con lợn bị chết.

Cơ quan thú y, chính quyền địa phương và người chăn nuôi đã kịp thời xử lý, không chế không để dịch bệnh lây lan và tiến hành tiêu hủy vật nuôi bị bệnh theo quy định.

b. Lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng 5/2023 chủ yếu tập trung chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng, đồng thời ươm giống cây lâm nghiệp chuẩn bị cho kế hoạch trồng rừng năm 2023. Đồng thời, tranh thủ thời tiết trong tháng có mưa, các đơn vị lâm nghiệp đã trồng mới 7 ha rừng trên một số diện tích đất rừng sau khai thác, giảm 88,33% so cùng kỳ năm trước, do năm nay nắng nóng kéo dài.

Sản lượng gỗ khai thác các loại tháng 5/2023 ước được 12.358 m³, tăng 24,38% so cùng kỳ năm trước, trong đó Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Trầm Hương khai thác được 6.000 m³; sản lượng củi khai thác được 3.646 ste, tăng 2,88%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, sản lượng gỗ khai thác các loại được 30.904,0 m³, tăng 27,51% do 02 đơn vị Nhà nước là Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Trầm Hương bắt đầu tiến hành khai thác từ tháng 4/2023 với sản lượng ước được 16.500 m³; sản lượng củi khai thác được 9.440 ste, tăng 8,64%.

Nhằm thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng năm 2023, ngay từ đầu mùa khô Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa thực hiện bảo dưỡng hơn 95 km đường ranh cản lửa, một trong những công trình rất quan trọng và cần thiết trong công tác phòng chống cháy rừng. Bên cạnh đó, UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan chủ động thực hiện có hiệu quả phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để quản lý và bảo vệ rừng. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh chưa phát sinh vụ cháy rừng; đã phát hiện 7 vụ phá rừng, giảm 14 vụ so cùng kỳ năm trước, với diện tích bị phá là 8,72 ha.

c. Thủy sản

Tuy đang là thời điểm thuận lợi cho khai thác thủy sản nhưng vẫn còn nhiều tàu cá nằm bờ do thiếu lao động nghề biển đã ảnh hưởng đến các chuyến tàu ra khơi nên sản lượng khai thác giảm. Trong khi đó, sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng khá nhờ thời tiết và việc tiêu thụ các mặt hàng thủy sản đều thuận lợi nên người dân mạnh dạn thả nuôi.

Tổng sản lượng thủy sản tháng 5/2023 ước được 12.590,3 tấn, giảm 2,17% so cùng kỳ năm trước: Cá được 10.311,1 tấn, giảm 4,12%; thủy sản khác

1.375,5 tấn, giảm 0,21%; riêng tôm 903,7 tấn, tăng 22,74%, chủ yếu tăng sản lượng tôm nuôi nước lợ.

Trong tổng sản lượng thủy sản tháng 5/2023, sản lượng thủy sản khai thác được 10.222,3 tấn, giảm 3,93% so cùng kỳ năm trước: Sản lượng thủy sản khai thác biển được 10.210 tấn, giảm 3,94% (9.191,6 tấn cá, giảm 5,02%; 156,6 tấn tôm, tăng 47,43%; 861,8 tấn thủy sản khác, tăng 2%); sản lượng thủy sản khai thác nội địa được 12,3 tấn, tăng 4,24%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng được 2.368 tấn, tăng 6,24% so cùng kỳ năm trước: Sản lượng cá 1.112 tấn, tăng 3,93%; tôm 746 tấn, tăng 18,6% do người dân tập trung thu hoạch từ những diện tích đã đến kỳ thu hoạch; thủy sản khác (rong sụn, hào, vẹm...) 510 tấn, giảm 3,77%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng sản lượng thủy sản ước được 56.201,6 tấn, tăng 0,3% so cùng kỳ năm trước: Cá 47.793,2 tấn, giảm 0,07%; tôm 2.851,1 tấn, tăng 7,14%; thủy sản khác 5.557,3 tấn, tăng 0,17%. Trong tổng sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản khai thác được 48.955,5 tấn, giảm 0,22%; sản lượng thủy sản nuôi trồng 7.246,1 tấn, tăng 3,98%.

Do đang vào mùa vụ thả nuôi, cộng với thời tiết trong tháng tương đối thuận lợi là điều kiện để người dân tiến hành thả giống. Diện tích nuôi trồng thủy sản tháng 5/2023 ước được 439,1 ha, tăng 3,81% so cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích nuôi cá 79 ha, tăng 6,76%; diện tích nuôi tôm 273,1 ha, tăng 5,85% và thủy sản khác 87 ha, giảm 4,4%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản được 1.685,5 ha, tăng 2,29% so cùng kỳ trước: Diện tích thả nuôi cá được 237,7 ha, tăng 3%; tôm nước lợ được 1.112,8 ha, tăng 2,95%; thủy sản khác 335 ha, giảm 0,3%.

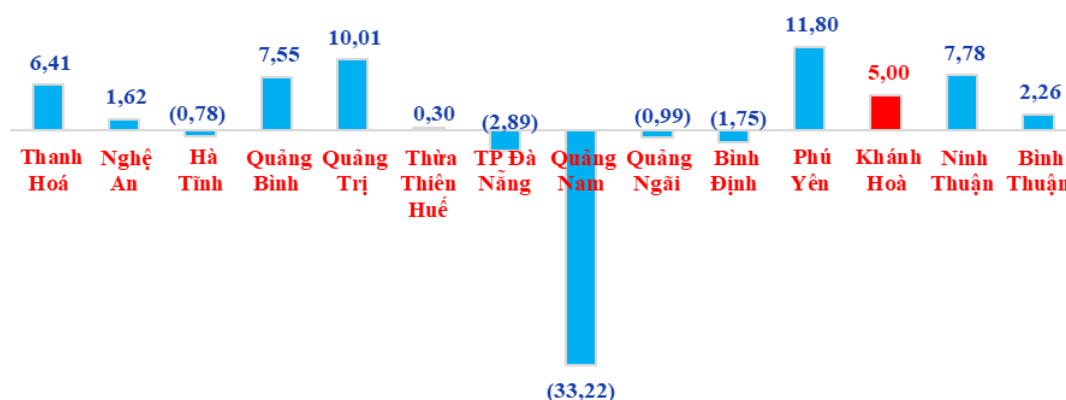
2. Sản xuất công nghiệp

Trong bối cảnh suy giảm kinh tế toàn cầu nhanh hơn dự kiến, tổng cầu từ nước ngoài suy giảm mạnh khiến đơn hàng sụt giảm đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất công nghiệp tỉnh gặp khó khăn, nhất là các doanh nghiệp chế biến thủy sản đang đối diện với khó khăn về thị trường. Tuy nhiên, vào cuối tháng 4/2023 Nhà máy nhiệt điện BOT Vân phong 1 đã đưa tổ máy 1 đi vào vận hành chạy thử nghiệm, làm cho chỉ số IIP ngành sản xuất và phân phối điện tăng trưởng cao, góp phần duy trì mức tăng trưởng của sản xuất công nghiệp. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5% so cùng kỳ năm trước, trong đó ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 20,25%.

a. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5/2023 ước tăng 3,75% so tháng trước và tăng 7,04% so cùng kỳ năm trước, trong đó ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng cao 69,4% và tăng 59,99%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,84% và tăng 7,81%; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 5,61% và giảm 25,52%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 2,67% và tăng 1,52%.

IIP 5 tháng đầu năm 2023 của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung (%)



Tính chung 5 tháng đầu năm 2023 chỉ số sản xuất ngành công nghiệp toàn tỉnh tăng 5% so cùng kỳ năm trước: Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 20,25%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,49%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,76%; riêng ngành khai khoáng giảm 25,88%.

Trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, một số ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2023 tăng so cùng kỳ năm trước như: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy gấp hai lần; sản xuất phương tiện vận tải tăng 21,58%; sản xuất thuốc lá tăng 18,83%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 18,02%; sản xuất dệt tăng 10,4%; sản xuất đồ uống tăng 8%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 4,4%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp giảm như: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 3,33%; chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện giảm 7,99%; sản xuất trang phục giảm 10,01%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 15,08% do số lượng đơn đặt hàng và quy mô đơn hàng sụt giảm; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 15,15%

(trong đó chế biến thủy sản tiếp tục giảm 27,01% do các doanh nghiệp vẫn còn khó khăn trong việc xuất khẩu thủy sản); ngành in, sao chép bản ghi các loại giảm 41,01%.

b. Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, một số sản phẩm ngành công nghiệp tăng so cùng kỳ năm trước như: Đường RE gấp 2,64 lần; điện sản xuất tăng 31,29%; bia đóng chai tăng 30,01%; tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp) tăng 20,52%; thuốc lá đầu lọc tăng 18,83%; điện thương phẩm tăng 12,39%; bia đóng lon tăng 10,48%; sợi tự nhiên tăng 10,4%; nước yến và nước bổ dưỡng khác tăng 7,63%; nước uống được tăng 7,38%. Một số sản phẩm giảm như: Cá ngừ đông lạnh giảm 41,76%; đá xây dựng giảm 27,3%; cá khác đông lạnh giảm 22,67%; bàn bằng gỗ các loại giảm 20,32%; tôm đông lạnh giảm 13,69%; đường RS giảm 10,67%; bộ quần áo thể thao giảm 8,08%.

c. Chỉ số sử dụng lao động công nghiệp

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 5/2023 tăng 0,02% so với tháng trước và tăng 3,18% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tăng 2,68% so cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 10,98%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 2,73%; riêng doanh nghiệp Nhà nước giảm 9,67%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 2,92%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý, xử lý rác thải, nước thải tăng 1,14%; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 1,08%; riêng ngành khai khoáng giảm 1,75%.

3. Tình hình hoạt động doanh nghiệp¹

Tính từ ngày 01/5/2023 đến 15/5/2023, toàn tỉnh có 89 doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 282,4 tỷ đồng, tăng 21,92% về số doanh nghiệp và giảm 59,43% về vốn đăng ký so cùng kỳ năm trước. Tại thời điểm trên, toàn tỉnh có 37 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 19,35% so cùng kỳ năm trước; 45 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, giảm 10%; 11 doanh nghiệp đã giải thể tăng 57,14%.

Tính từ ngày 01/01/2023 đến 15/5/2023, toàn tỉnh có 798 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 0,38% so cùng kỳ năm trước với tổng số vốn đăng

¹ Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

ký là 3.471,6 tỷ đồng, giảm 60,11%. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 4,4 tỷ đồng, giảm 60,26%. Tính đến 15/5/2023, toàn tỉnh có 481 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 41,05% so cùng kỳ năm trước; nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 1.279 doanh nghiệp; có 1.085 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 3,93%; 104 doanh nghiệp đã giải thể giảm 10,34%.

4. Đầu tư, xây dựng

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các Sở, ngành, Ban quản lý dự án khẩn trương hoàn thành các thủ tục liên quan và chỉ đạo các đơn vị thi công tập trung nhân lực, máy móc thiết bị để triển khai, hoàn thành các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Hoàn chỉnh hồ sơ chuẩn bị khởi công các công trình mới; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ, xử lý vi phạm tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, giải quyết vướng mắc cho các nhà đầu tư để dự án sớm triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công kịp thời.

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh tháng 5/2023 ước được 320 tỷ đồng tăng 28,01% so tháng trước và tăng 0,23% so cùng kỳ năm trước: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 192 tỷ đồng, tăng 34,93% và tăng 6,97%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện 93 tỷ đồng, tăng 13,35% và giảm 8,76%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã 35 tỷ đồng, tăng 36,52% và giảm 7,52% do nguồn vốn cấp cho ngân sách huyện và xã thấp hơn năm 2022. Trong tháng có 21 công trình khởi công mới và 12 công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng với tổng vốn đầu tư trên 73,5 tỷ đồng.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý được 1.055 tỷ đồng bằng 22,12% kế hoạch và tăng 5,35% so cùng kỳ năm trước: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 619,4 tỷ đồng, bằng 17,59% KH và tăng 4,15%; vốn ngân sách huyện 341,8 tỷ đồng, bằng 37,31% KH và tăng 9,82%; vốn ngân sách xã 93,8 tỷ đồng, bằng 28,34% KH và giảm 1,73%, với 43 công trình khởi công mới và 33 công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng với tổng vốn đầu tư trên 275,8 tỷ đồng.

Trong tháng 5/2023, một số công trình có tiến độ thi công với vốn thực hiện khá là: Trụ sở Thành ủy, trường TH Vĩnh Hải 2 (gđ 2), trường TH Ngọc Hiệp, trường THCS Trung Vương, đường Châu Văn Liêm, cải tạo đường Lý Thánh Tôn - Phan Chu Trinh, vỉa hè đường Lê Hồng Phong, vỉa hè đường 2/4 và Trần Quý Cáp, CSHT khu TĐC Ngọc Hiệp, cầu qua sông Kim Bông, đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang, kè bờ biển phường Vĩnh nguyên (Nha Trang);

trường MN Cam Thuận, trường PTDT nội trú, đường liên thôn Sông Cạn Trung – Sông Cạn Đông (Cam Ranh); trường Mn Mai Vàng, đường Nguyễn Chí Thanh, đường giao thông xã Sơn Tân (Cam Lâm); kè chống xói lở cầu Trần Hưng Đạo, đường Trần Đường, đường Hà Huy Tập, kè hạ lưu sông Hiền Lương, kè bờ biển TT Vạn Giã (gđ 2), kè bờ sông Tô Giang, cầu huyện 2, bến tổng hợp Vạn Giã (Vạn Ninh); bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa, nhà VH xã Ninh Phụng, đường cơ động và bến cập tàu xã đảo Ninh Vân; kênh mương các xã Ninh Tân, Ninh Lộc, Ninh Quang, Ninh Trung, Ninh Đông (Ninh Hòa); UBND xã Khánh Nam, trường MN Họa My, trường MN Sen Hồng, trường MN Hoa Phượng, trường PTTH nội trú, đường Bùi Thị Xuân, đường Trần Nguyên Hãn, đường Quang Trung, đường K25 liên thôn Hòn Lay – Ba Dùi, cầu Sông Trang, đường từ cầu Yangbay đến khu sản xuất Suối Lùn, đường Suối Lau – Chà Già, đường vào khu SX cầu treo thôn 6 Khánh Nam – Khánh Trung, chợ huyện (Khánh Vĩnh); trụ sở UBND xã Diên Thọ, UBND xã Diên Xuân, trường TH Diên Xuân, trường THCS Đinh Bộ Lĩnh, kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen (gđ 2), đường gom QL27C, hương lộ 5, đường D1, công viên Văn miếu (Diên Khánh); nhà thiếu nhi huyện, trung tâm VH TT xã Sơn Hiệp, nhà cộng đồng thôn A Thi, trường TH Sơn Trung, trường THCS Ba Cạm Bắc, hồ chứa nước làng Ka Tơ, đường liên xã Ba Cạm Bắc đi Sơn Trung, cầu Sơn Trung, kè chống sạt lở sông Tô Hạp, đường thôn Tha Mang, đường thôn Dốc Gạo đi thôn Xóm Cỏ, đường TT Tô Hạp đi thôn Hòn Dung, chợ Sơn Lâm (Khánh Sơn).

Về thực hiện và giải ngân đầu tư công, đến hết tháng 4/2023, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đạt 11,8% so với kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao; đạt 17,4% so với kế hoạch vốn được UBND tỉnh Khánh Hòa giao. Chi tiết giải ngân theo từng nguồn vốn như sau: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giải ngân đạt 24,7% kế hoạch; nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước) giải ngân đạt 5,8% kế hoạch; nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (cấp phát từ ngân sách Trung ương) giải ngân đạt 3,1%; nguồn vốn đầu tư từ nguồn bội chi (nguồn vốn này là vay lại Chính phủ để thực hiện các dự án ODA) giải ngân đạt 3,6%.

5. Thương mại, du lịch, giá cả

Các hoạt động kinh doanh thương mại, du lịch, dịch vụ trên địa bàn tỉnh diễn ra khá sôi động, đặc biệt là trong các đợt nghỉ Lễ kéo dài. Tại các siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh, người dân và du khách đến tham quan,

mua sắm và ăn uống khá nhộn nhịp; cùng với đó, nhiều chương trình khuyến mãi giảm giá sâu, không gian mua sắm thoáng mát, hàng hóa phong phú, đảm bảo, nhất là các mặt hàng thực phẩm tươi sống và trái cây... đã đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, ngành Du lịch sẽ tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá nhằm thu hút du khách vào trước, trong và sau thời gian diễn ra Festival Biển 2023; nhiều hoạt động, sự kiện văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch, cũng như triển khai chương trình kích cầu, các gói sản phẩm giảm giá - khuyến mãi, các tour du lịch mới nhằm thu hút, phục vụ du khách đến với Nha Trang - Khánh Hòa.

a. Tổng mức bán hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Nhu cầu tiêu dùng của người dân và du khách tăng mạnh cộng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của hoạt động dịch vụ du lịch là những nguyên nhân chính góp phần đưa tổng mức bán hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 5/2023 ước được 15.139 tỷ đồng, tăng 1,81% so với tháng trước và tăng 13,67% so cùng kỳ năm trước, trong đó tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 9.325,8 tỷ đồng, tăng 3,31% và tăng 14,96% cụ thể: Ngành thương mại được 5.842,4 tỷ đồng, tăng 1,8% và tăng 9,96%; ngành dịch vụ khác 1.160 tỷ đồng, tăng 2,7% và giảm 2,75%; ngành du lịch lữ hành 206,2 tỷ đồng, tăng 6,57% và gấp 2,52 lần; ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống 2.117,2 tỷ đồng, tăng 7,77% và tăng 38,9% (trong đó, doanh thu lưu trú 490 tỷ đồng, tăng 15,24% và tăng 41,76%; doanh thu dịch vụ ăn uống 1.627,2 tỷ đồng, tăng 5,71% và tăng 38,06%).

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	Tỷ đồng			
	Ước tính tháng 5 năm 2023	Ước tính 5 tháng năm 2023	Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
			Tháng 5 năm 2023	5 tháng năm 2023
Tổng số	9.325,8	44.214,8	14,96	18,30
- Ngành Thương mại	5.842,4	28.739,6	9,96	12,75
- Ngành Dịch vụ lưu trú, ăn uống	2.117,2	9.105,4	38,90	47,76
- Ngành Dịch vụ lữ hành	206,2	771,2	152,49	105,45
- Ngành Dịch vụ khác	1.160,0	5.598,6	(2,75)	4,71

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng ước được 73.499,2 tỷ đồng, tăng 19,02% so cùng kỳ năm trước; trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng được 44.214,8 tỷ đồng, tăng 18,3% so cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Ngành thương mại ước được 28.739,6 tỷ đồng, tăng 12,75% do nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân cũng như của du khách tăng cao, nhất là vào các dịp Lễ: Nhóm hàng hóa khác tăng cao nhất với 42,35%; thứ hai là nhóm lương thực, thực phẩm tăng 19,35%; thứ ba là nhóm đá quý và kim loại quý tăng 16,98% do giá vàng thế giới tăng cao.

Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống ước được 9.105,4 tỷ đồng, tăng 47,76% (doanh thu dịch vụ lưu trú 2.111,4 tỷ đồng, tăng 99,87%; doanh thu ngành dịch vụ ăn uống 6.993,9 tỷ đồng, tăng 36,97%) do lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến Nha Trang - Khánh Hòa tăng và hứa hẹn tiếp tục tăng cao trong tháng 6 khi mà thời điểm Khánh Hòa diễn ra Festival biển.

Ngành du lịch lữ hành ước được 771,2 tỷ đồng, gấp 2,05 lần do đến nay các chuyến bay quốc tế dần được khôi phục đã giúp cho các đơn vị dịch vụ lữ hành quốc tế hoạt động mạnh trở lại. Cùng với đó, thời tiết tương đối thuận lợi là điều kiện để các tour du lịch biển đảo tăng.

Ngành dịch vụ khác ước được 5.598,6 tỷ đồng, tăng 4,71%, trong đó: Ngành hoạt động nghệ thuật, vui chơi và giải trí 1.031,4 tỷ đồng, tăng 49,69%; ngành dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ 266,1 tỷ đồng, tăng 41,18%; ngành dịch vụ giáo dục và đào tạo 179,3 tỷ đồng, tăng 29,05%; ngành dịch vụ khác 432,3 tỷ đồng, tăng 23,09%; ngành dịch vụ kinh doanh bất động sản 3.292,4 tỷ đồng, giảm 7,68% do nhu cầu giảm mạnh; ngành dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội được 397,1 tỷ đồng, giảm 3,75%.

Trong tháng 5/2023, Cục quản lý thị trường tỉnh đã kiểm tra được 41 cơ sở sản xuất kinh doanh, đã phát hiện 21 vụ vi phạm, xử lý hành chính 22 vụ vi phạm (01 vụ tháng trước chuyển sang), thu nộp ngân sách 634,28 triệu đồng, đồng thời thu giữ một số hàng hóa vi phạm để xử lý.

b. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

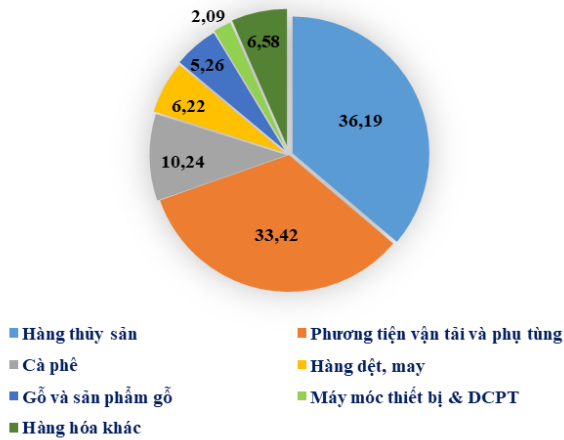
Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu 1.086,2 triệu USD, giảm 22,76% so cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu và nhập khẩu đều lần lượt giảm 2,5% và giảm 39,34%. Tuy nhiên, cán cân thương mại hàng hóa 5 tháng đầu năm 2023 vẫn xuất siêu được 147,6 triệu USD.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 5/2023 ước được 91,2 triệu USD, giảm 41,34% so tháng trước và giảm 33,6% so cùng kỳ năm trước, cụ thể: Kinh

tế nhà nước 4,5 triệu USD, giảm 6,55% và tăng 28,34%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được 17,9 triệu USD, giảm 78,88% và giảm 63,66%; kinh tế tư nhân 68,5 triệu USD, tăng 4,69% và giảm 18,71%; kinh tế tập thể 245 nghìn USD, tăng 5,33% và tăng 39,92%.

Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu tháng 5/2023 như: 14,5 triệu USD cà phê, giảm 11,21% so tháng trước; 49,5 triệu USD hàng thủy sản, tăng 7,56%; 7,2 triệu USD hàng dệt may, tăng 9,75%; 7,5 triệu USD gỗ và sản phẩm gỗ, tăng 10,1%; 8,2 triệu USD hàng hóa khác, tăng 19,15%; 3,2 triệu USD máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng, tăng 56,15%.

**Cơ cấu xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2023
phân theo một số mặt hàng chủ yếu (%)**



Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh ước được 616,9 triệu USD, giảm 2,5% so cùng kỳ năm trước: Khu vực trong nước được 326,1 triệu USD, chiếm 52,86% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và giảm 21,25% (trong đó kinh tế nhà nước được 23,8 triệu USD, tăng 27,85%; kinh tế tập thể 0,7 triệu USD, giảm 41,21%; kinh tế tư nhân 301,6 triệu USD, giảm 23,5%); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được 290,8 triệu USD, chiếm 47,14% và tăng 33,03%.

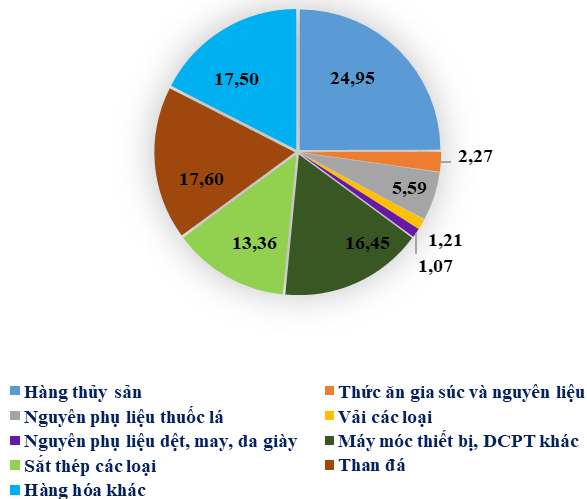
Một số mặt hàng chủ yếu có kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2023 tăng so cùng kỳ năm trước như: 36,9 triệu USD hàng hóa khác, tăng 2,3%; 12,9 triệu USD máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng, tăng 11,88%; 2,5 triệu USD sản phẩm mây, tre, cói và thảm, tăng 18,7%; 63,2 triệu USD cà phê, tăng 21,46%; 25,5 triệu USD gỗ, tăng 31,15%; 206,2 triệu USD phương tiện vận tải và phụ tùng, tăng 73,8%. Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng chủ yếu có kim ngạch xuất khẩu giảm như: 38,4 triệu USD hàng dệt may, giảm 16,81%; 223,3 triệu USD hàng thủy sản, giảm 32,42%; 7 triệu USD sản phẩm gỗ, giảm 49,26%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 5/2023 ước được 121,5 triệu USD, tăng 13,59% so tháng trước và giảm 17,85% so cùng kỳ năm trước: Kinh tế nhà nước được 7,5 triệu USD, giảm 12,22% và tăng 18,81%; kinh tế tư nhân được 36,5 triệu USD, tăng 2,02% và giảm 10,42%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được 77,5 triệu USD, tăng 23,71% và giảm 23,15%.

Giá trị nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu tháng 5/2023 như: 3,2 triệu USD thức ăn gia súc và nguyên liệu, tăng 1,22% so tháng trước; 20 triệu USD

hàng thủy sản, tăng 10,85%; 1,2 triệu USD vải các loại, tăng 11,11%; 1,2 triệu USD nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày, tăng 28,37%; 34,3 triệu USD than đá, tăng 88,64%; 19,5 triệu USD máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác, giảm 0,97%; 11,5 triệu USD sắt thép các loại, giảm 8,63%; 7,5 triệu USD nguyên phụ liệu thuốc lá, giảm 9,03%; 19 triệu USD hàng hóa khác, giảm 15,04%.

**Cơ cấu nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2023
phân theo một số mặt hàng chủ yếu (%)**



Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước được 469,3 triệu USD, giảm 39,34% so cùng kỳ năm trước: Khu vực kinh tế trong nước 186,3 triệu USD, chiếm 39,69% kim ngạch nhập khẩu toàn tỉnh và giảm 5,83% (trong đó kinh tế nhà nước 27,7 triệu USD, giảm 14,44%; kinh tế tư nhân 158,6 triệu USD, giảm 4,14%); khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 283 triệu USD, chiếm 60,31% và giảm 50,85%.

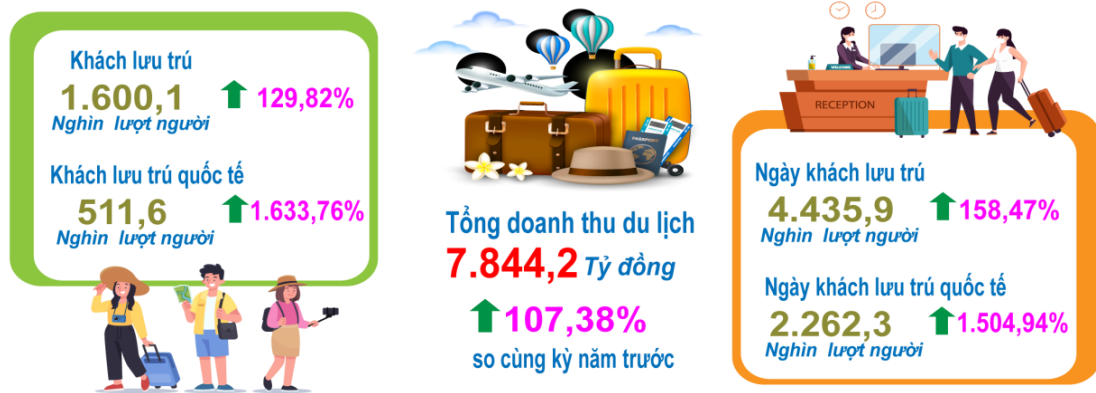
Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu 5 tháng đầu năm 2023 như: 10,7 triệu USD thức ăn gia súc và nguyên liệu, giảm 2,55% so cùng kỳ năm trước; 26,2 triệu USD nguyên phụ liệu thuốc lá, giảm 7,03%; 117,1 triệu USD hàng thủy sản, giảm 10,42%; 5 triệu USD nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày, giảm 29,43%; 5,7 triệu USD vải các loại, giảm 48,03%; 77,2 triệu USD máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác, giảm 82,69%; 3,1 triệu USD nguyên phụ liệu dược phẩm, tăng 6,28%; 62,7 triệu USD sắt thép các loại, tăng 2,72%; 71,2 triệu USD hàng hóa khác, tăng 9,96%; 82,6 triệu USD than đá.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 5/2023 nhập siêu được 30,3 triệu USD. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, xuất siêu được 147,6 triệu USD, bằng 23,93% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Trong tổng xuất siêu 5 tháng đầu năm 2023, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 7,8 triệu USD; khu vực kinh tế trong nước xuất siêu 139,8 triệu USD.

c. Du lịch

Festival Biển Nha Trang - Khánh Hòa năm 2023 với chủ đề “Khánh Hòa - Khát vọng bùng sáng” sẽ được diễn ra vào tháng 6/2023. Nhiều sự kiện, hoạt động văn hóa - nghệ thuật, thể thao, du lịch sôi nổi, đặc sắc. Đây là một sự kiện văn hóa, du lịch mang tầm quốc gia và quốc tế, là dịp đặc biệt để quảng bá du

lịch của địa phương một cách sâu rộng đến các nhà đầu tư, doanh nghiệp và khách du lịch trong nước, quốc tế. Bên cạnh đó, sau nhiều nỗ lực kết nối của ngành Du lịch, các đoàn khách Trung Quốc đến Khánh Hòa ngày một nhiều hơn, dự kiến trong 10 ngày cuối của tháng 5 sẽ có khoảng 90 chuyến bay từ Trung Quốc đến Cam Ranh. Đồng thời, các cơ sở kinh doanh du lịch cũng đưa ra nhiều sản phẩm, dịch vụ khuyến mãi để chào đón du khách đến Nha Trang – Khánh Hòa với mức giá ưu đãi, hợp lý. Nhờ đó, hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh tăng trưởng đáng kể, là điểm sáng trong bức tranh kinh tế của tỉnh.



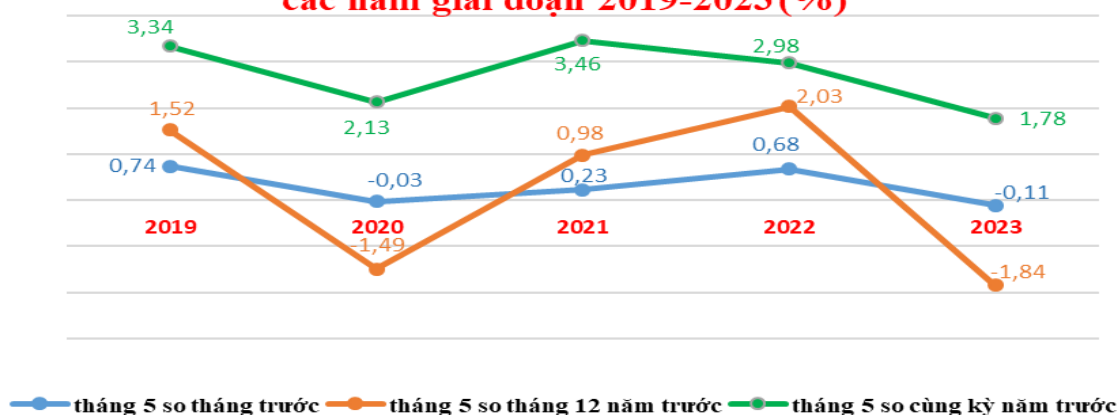
Doanh thu du lịch tháng 5/2023 ước được 1.805,2 tỷ đồng, tăng 15,73% so tháng trước và tăng 43,42% so cùng kỳ năm trước; với 450 nghìn lượt khách, tăng 28,53% và tăng 92,07% (trong đó 150 nghìn lượt khách quốc tế tăng 24,44% và gấp 19,53 lần); 1.200 nghìn ngày khách, tăng 23,37% và gấp 2,18 lần (trong đó 650 nghìn ngày khách quốc tế, tăng 23,84% và gấp 16,14 lần). Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, doanh thu hoạt động du lịch được 7.844,2 tỷ đồng, bằng 37,35% kế hoạch và gấp 2,07 lần so cùng kỳ năm trước; khách lưu trú được 1.600,2 nghìn lượt người, bằng 40% và gấp 2,3 lần; với 4.435,9 nghìn ngày khách, bằng 38,57% và gấp 2,58 lần (trong đó khách quốc tế 511,6 nghìn lượt khách, bằng 34,11% và gấp 17,34 lần; với 2.262,3 nghìn ngày khách quốc tế, bằng 33,27% và gấp 16,05 lần).

d. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Giá xăng dầu được liên Bộ Tài chính - Công thương điều chỉnh giảm, cộng với nhóm thực phẩm giảm do nguồn cung dồi dào, là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2023 giảm 0,11% so với tháng trước; tăng 1,78% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,84% so với tháng 12/2022.

CPI bình quân 5 tháng đầu năm 2023 tăng 3,82% so với bình quân cùng kỳ năm 2022, trong đó: CPI khu vực thành thị tăng 3,84%; khu vực nông thôn tăng 3,8%.

Tốc độ tăng/giảm CPI của tháng 5 các năm giai đoạn 2019-2023 (%)



Đóng góp trong tổng mức giảm 0,11% của CPI tháng 5/2023 so tháng trước có 01 nhóm hàng có chỉ số giá giảm; 8 nhóm hàng có chỉ số giá tăng và 02 nhóm hàng có chỉ số giá ổn định, cụ thể:

Tám nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng là:

- *Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng* tăng 0,78%, nguyên nhân do chỉ số giá nước sinh hoạt, điện sinh hoạt tăng từ 1,39% - 4,77% vì thời tiết nắng nóng nên nhu cầu sử dụng tăng cao, dẫn đến sản lượng tiêu thụ tăng. Bên cạnh đó, mặc dù giá dầu hỏa được liên Bộ Tài chính - Công thương điều chỉnh giảm 03 lần vào ngày 04/5/2023, 11/5/2023 và ngày 22/5/2023 với mức giảm chung là 1.550 đ/lít nhưng giá gas trong nước lại được điều chỉnh tăng 2.000 đ/bình loại 12 kg nên đã tác động đến nhóm giá gas và các loại chất đốt tăng 0,27%.

- *Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch* tăng 0,26%, chủ yếu ở nhóm dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em, chụp in tráng ảnh,... tăng từ 1,88% - 3,88%.

- *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,18%, tăng ở các mặt hàng như: Máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,12% do nhu cầu tăng trong mùa nắng nóng; nhóm mặt hàng đồ dùng nấu ăn, đồ dùng bằng kim loại, giường tủ bàn ghế,... tăng từ 0,18% - 0,45%.

- *Nhóm giáo dục* tăng 0,19%, chủ yếu ở nhóm văn phòng phẩm tăng 1,7%.

- *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 0,15%, do ảnh hưởng từ giá vàng tăng nên giá mặt hàng đồ trang sức tăng 0,46%; cộng với giá vật dụng về hiệu hi cũng tăng từ 0,2% - 0,58%.

- *Nhóm may mặc, giày dép và mũ nón* tăng 0,07%, ở mặt hàng quần áo may sẵn, giày dép, dịch vụ giặt là quần áo, mũ nón,... tăng từ 0,03% - 1,23% do nhu cầu tăng.

- *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* tăng 0,03%, trong đó: Lương thực tăng 0,16%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,08%; riêng thực phẩm giảm 0,02% do nguồn cung dồi dào.

- *Nhóm đồ uống và thuốc lá* tăng 0,01%, chủ yếu do mặt hàng nước khoáng tăng 0,13%.

Một nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm là:

- *Nhóm giao thông* giảm 4,02%, do giá xăng dầu được liên Bộ Tài chính - Công thương điều chỉnh giảm 02 lần vào ngày 04/5/2023, 11/5/2023 và tăng 01 lần vào ngày 22/5/2023 với mức giảm chung của giá xăng A95 là 2.190 đ/lít, xăng E5 là 2.250 đ/lít, dầu diezen 0,05%S là 1.470 đ/lít, giá xăng dầu giảm đã tác động lên chỉ số giá nhóm nhiên liệu giảm 7,6%. Bên cạnh đó, giá mặt hàng xe máy giảm 0,16% do giảm giá để kích cầu tiêu dùng nên nhóm phương tiện đi lại cũng giảm 0,14%.

Hai nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá ổn định như: Thuốc và dụng cụ y tế; bưu chính viễn thông có chỉ số giá ổn định.

Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới nên chỉ số giá vàng tháng 5/2023 tăng 0,09% so tháng trước; giảm 0,04% so tháng 12/2022 và giảm 4,12% so cùng kỳ năm trước. Bình quân 5 tháng đầu năm 2023, chỉ số giá vàng tăng 1,33% so bình quân cùng kỳ năm trước. Bình quân giá vàng trong tháng 5/2023 dao động ở mức 6.718.800 đ/chỉ vàng SJC.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 5/2023 giảm 0,16% so tháng trước; giảm 4,31% so tháng 12/2022 và giảm 0,93% so cùng kỳ năm trước. Bình quân 5 tháng đầu năm 2023, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,36% so bình quân cùng kỳ năm trước. Giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường dao động quanh mức 23.467 VND/USD.

6. Vận tải

Festival Biển Nha Trang - Khánh Hòa năm 2023 với chủ đề “Khánh Hòa - Khát vọng bừng sáng” sẽ được diễn ra từ ngày 03/6 đến ngày 06/6 cùng với dịp nghỉ lễ Giỗ tổ Hùng Vương, lễ 30/4 và 01/5 năm nay người lao động được nghỉ nhiều ngày nên nhu cầu vui chơi, giải trí, tham quan du lịch tăng, góp phần đưa doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 5 tháng đầu năm 2023 tăng 12,32% so cùng kỳ năm trước; vận chuyển hành khách tăng 34,57%; vận chuyển hàng hóa tăng 11,76%.

a. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 5/2023 ước được 709,1 tỷ đồng, tăng 6,59% so với tháng trước và tăng 9,14% so cùng kỳ

năm trước: Vận tải hành khách được 140,3 tỷ đồng, tăng 9,86% và tăng 3,69%; vận tải hàng hóa 310,3 tỷ đồng, tăng 3,41% và tăng 16,74%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải được 258,5 tỷ đồng, tăng 8,84% và tăng 3,98%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước được 3.345,5 tỷ đồng, tăng 12,32% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Vận tải đường bộ 1.810,5 tỷ đồng, tăng 23,56%; vận tải đường biển 144,3 tỷ đồng, tăng 13,56%; vận tải đường sắt 84,3 tỷ đồng, tăng 47,55%; vận tải đường hàng không của hãng Vietnam Airlines 71,4 tỷ đồng, giảm 2,06%. Trong tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 5 tháng đầu năm 2023: Vận tải hành khách được 661,5 tỷ đồng, tăng 45,47%; vận tải hàng hóa được 1.449 tỷ đồng, tăng 14,31%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải được 1.235 tỷ đồng, giảm 1,69%.

b. Vận tải hành khách và hàng hóa

**Vận tải hành khách 5 tháng đầu năm 2023
phân theo ngành vận tải**

	Số lượt khách		Tốc độ tăng/giảm so cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (nghìn HK)	Luân chuyển (Nghìn HK.Km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	12.764,7	681.041,6	34,57	35,67
- Đường bộ	11.787,1	615.586,7	28,85	34,03
- Đường biển	850,3	7.536,8	246,92	261,56
- Đường sắt	127,3	57.918,1	37,05	42,56

Vận tải hành khách tháng 5/2023 ước được 2.771 nghìn lượt khách vận chuyển; tăng 9,71% so với tháng trước và giảm 3,84% so cùng kỳ năm trước; luân chuyển được 146.283,6 nghìn lượt khách.km, tăng 9,3% và giảm 2,98%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, vận tải hành khách ước được 12.764,7 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 34,57% so cùng kỳ năm trước (đường bộ được 11.787,1 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 28,85%; đường biển được 850,3 nghìn lượt khách vận chuyển, gấp 3,47 lần và đường sắt được 127,3 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 37,05%); luân chuyển 681.041,6 nghìn lượt khách.km, tăng 35,67% (đường bộ 615.586,7 nghìn lượt khách.km tăng 34,03%; đường biển 7.536,8 nghìn lượt khách.km, gấp 3,62 lần và đường sắt 57.918,1 nghìn lượt khách.km tăng 42,56%).

Vận tải hàng hóa 5 tháng đầu năm 2023
phân theo ngành vận tải

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (nghìn HK)	Luân chuyển (Nghìn HK.Km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	16.296,9	1.665.761,1	11,76	3,56
- Đường bộ	16.053,1	1.320.435,5	12,22	12,70
- Đường biển	201,1	316.396,3	(15,00)	(21,34)
- Đường sắt	42,7	28.929,3	6,09	(16,52)

Vận tải hàng hóa tháng 5/2023 ước được 3.398,6 nghìn tấn, tăng 3,48% so tháng trước và tăng 9,72% so cùng kỳ năm trước; luân chuyển 374.310 nghìn tấn.km, tăng 2,55% và tăng 21,96%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, vận tải hàng hóa ước được 16.296,9 nghìn tấn, tăng 11,76% so cùng kỳ năm trước (đường bộ được 16.053,1 nghìn tấn, tăng 12,22%; đường biển được 201,1 nghìn tấn, giảm 15% và đường sắt được 42,7 nghìn tấn, tăng 6,09%); luân chuyển hàng hóa 1.665.761,1 nghìn tấn.km, tăng 3,56% (đường bộ 1.320.435,5 nghìn tấn.km, tăng 12,7%; đường biển 316.396,3 nghìn tấn.km, giảm 21,34% và đường sắt 28.929,3 nghìn tấn.km, giảm 16,52%).

7. Tài chính, ngân hàng

a. Tài chính²

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh tháng 5/2023 ước được 1.117,8 tỷ đồng: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu được 213,7 tỷ đồng và thu từ nội địa 904,1 tỷ đồng.

Năm tháng đầu năm 2023, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước được 6.427,7 tỷ đồng, bằng 41,62% dự toán và giảm 15,57% so cùng kỳ năm trước: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 850 tỷ đồng, bằng 42,82% và giảm 53,01%; thu nội địa 5.577,7 tỷ đồng, bằng 41,44% và giảm 3,89%.

Trong tổng thu nội địa 5 tháng đầu năm 2023, có 6 khoản thu tăng; 10 khoản thu giảm và 01 khoản thu ổn định so cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Sáu khoản thu tăng: Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế 184 tỷ đồng, gấp 2,44 lần; thu xổ số kiến thiết 155 tỷ đồng, tăng 31,35%; thu phí và lệ phí 125 tỷ đồng, tăng 20,49%; thu khác ngân sách 150 tỷ đồng, tăng 17,47%; thu ngoài quốc doanh 1.580 tỷ đồng, tăng 12,36%; thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương 1.452 tỷ đồng, tăng 10,51%.

² Theo báo cáo của Sở Tài chính về tình hình thực hiện ngân sách Nhà nước.

Mười khoản thu giảm: Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản 3 tỷ đồng, giảm 66,27%; thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 4,5 tỷ đồng, giảm 62,61%; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 50 tỷ đồng, giảm 53,15%; thu thuế bảo vệ môi trường 220 tỷ đồng, giảm 47,08%; thu lệ phí trước bạ 152,2 tỷ đồng, giảm 46,88%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 313 tỷ đồng, giảm 34,58%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản 14 tỷ đồng, giảm 30,28%; thu thuế thu nhập cá nhân 750 tỷ đồng, giảm 14,27%; thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương 175 tỷ đồng, giảm 9,59%; thu tiền sử dụng đất 250 tỷ đồng, giảm 4,53%.

Một khoản thu ổn định là thuế sử dụng đất nông nghiệp 2 triệu đồng.

Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước địa phương tháng 5/2023 ước được 865,3 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển 188,4 tỷ đồng; chi thường xuyên 676,9 tỷ đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng chi cân đối ngân sách nhà nước địa phương ước được 4.596 tỷ đồng, bằng 30,86% dự toán và tăng 7,41% so cùng kỳ năm trước, trong đó chi đầu tư phát triển được 1.844,9 tỷ đồng, bằng 28,05% và tăng 11,31% (riêng chi đầu tư xây dựng cơ bản 670 tỷ đồng, bằng 26,67% và tăng 66,99%); chi thường xuyên 2.750,8 tỷ đồng, bằng 34,11% và tăng 4,94% với các khoản chi: Chi sự nghiệp kinh tế 365 tỷ đồng, bằng 23,93% và tăng 40,9%; chi sự nghiệp văn xã 1.687,3 tỷ đồng, bằng 35,99% và giảm 1,02%; chi quản lý hành chính 527 tỷ đồng, bằng 38,65% và tăng 6,85%; chi quốc phòng, an ninh 107,5 tỷ đồng, bằng 37,06% và tăng 2,81%; chi khác ngân sách 64 tỷ đồng, bằng 32,36% và tăng 7,28%.

b. Ngân hàng³

Các Chi nhánh TCTD tập trung cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn vay sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; đảm bảo thanh khoản, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu tiền mặt, thanh toán cho các thành phần kinh tế; tích cực triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng theo chủ trương của Chính phủ, NHNN.

Lãi suất huy động VND của khối Ngân hàng Thương mại Nhà nước kỳ hạn dưới 01 tháng phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm; lãi suất kỳ hạn 01 tháng đến dưới 6 tháng là 4,9%- 5,4%/năm; lãi suất kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng là 5,4%-5,8%/năm và kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 7%-7,2%/năm. Đối với khối Ngân hàng Thương mại Cổ phần, lãi suất kỳ hạn dưới 01 tháng hiện phổ biến ở mức 0,2%-0,5%/năm; lãi suất kỳ hạn 01 tháng đến dưới 6 tháng là 5,3%-5,5%/năm, kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng là 7,3%-7,9%/năm và kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 8%-8,5%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND dành cho các đối tượng

³ Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Khánh Hòa.

ưu tiên là 4,5%/năm và trung dài hạn 8,5%-9,5%/năm. Khối Ngân hàng Thương mại Nhà nước cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác ở mức 10%-11%/năm đối với ngắn hạn và 11,5%-12,5%/năm đối với trung và dài hạn; khối Ngân hàng Thương mại cổ phần cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác ở mức 10,8%-12%/năm đối với ngắn hạn và 12,5%-13,5%/năm đối với trung và dài hạn; lãi suất cho vay USD ở mức 4%-5,6%/năm đối với ngắn hạn và 6,6%-7%/năm đối với trung và dài hạn.

Huy động vốn toàn tỉnh ước đến cuối tháng 5/2023 được 113.730 tỷ đồng, tăng 3,52% so cùng kỳ năm trước: Huy động bằng đồng Việt Nam 110.890 tỷ đồng, tăng 3,08%; huy động bằng ngoại tệ 2.840 tỷ đồng, tăng 23,96%. Dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng đến cuối tháng 5/2023 ước được 119.010 tỷ đồng, tăng 9,98% so cùng kỳ năm trước: Dư nợ bằng đồng Việt Nam 110.940 tỷ đồng, tăng 9,26%; dư nợ bằng ngoại tệ 8.070 tỷ đồng, tăng 20,97%. Doanh số cho vay 5 tháng đầu năm 2023 ước đạt 69.650 tỷ đồng, tăng 6,45% so cùng kỳ năm trước.

8. Một số tình hình xã hội

a. Giáo dục

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tiếp tục tập trung thực hiện nhiệm vụ công tác giảng dạy, tổ chức ôn tập, kiểm tra cuối học kỳ 2 và tổng kết năm học, hoàn thành chương trình nhiệm vụ năm học 2022-2023 theo kế hoạch. Đồng thời, tiếp tục tổ chức ôn tập cho học sinh lớp 9, chuẩn bị tham gia kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024 và học sinh lớp 12, chuẩn bị tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt kết quả.

Công tác tuyển sinh năm học 2023-2024 và tổ chức các kỳ thi năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định về việc thành lập các Ban chỉ đạo; ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác thi năm 2023 như: Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp THCS, thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh vào các lớp đầu cấp, tuyển sinh đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy; hướng dẫn thi tốt nghiệp THPT năm 2023. Đã tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ thi tốt nghiệp THPT năm 2023; tiến hành thanh tra công tác chuẩn bị trước Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2023-2024 ở các huyện, thị xã, thành phố; thanh tra công tác chuẩn bị trước kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023; kiểm tra, hỗ trợ chuyên môn giáo dục mầm non tại các trường mầm non trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa... Bên cạnh đó, Ngành tiếp tục triển khai thực hiện nội dung đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa mới; triển khai thực hiện Đề án “Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030”.

b. Y tế

Ngành Y tế tiếp tục theo dõi, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh tại các địa phương trên địa bàn tỉnh để chủ động triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh như: COVID-19; sốt xuất huyết, Tay - Chân - Miệng... Tiếp tục triển khai công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 18 tuổi trở lên; trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi; trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi... Ước tháng 5/2023, toàn tỉnh ghi nhận 132 ca sốt xuất huyết, giảm 192 ca so với tháng trước và giảm 39 ca so cùng kỳ năm trước; 34 ca bệnh Tay - Chân - Miệng, giảm 6 ca và giảm 83 ca; 2 ca viêm gan vi rút các loại, giảm 4 ca và giảm 2 ca; các bệnh sốt rét, viêm não Nhật Bản, viêm não vi rút, uốn ván không có ca mắc mới. Đã khám chữa bệnh cho 239,4 nghìn lượt người; điều trị nội trú 16,7 nghìn lượt; phẫu thuật 2.361 ca. Đã thực hiện tiêm chủng đủ liều cho 1.278 trẻ em dưới 1 tuổi; tiêm sởi mũi 2 cho 1.800 trẻ em dưới 18 tháng tuổi; tiêm UV2+ cho 1.340 phụ nữ có thai.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 1.451 ca sốt xuất huyết gấp 4,06 lần so cùng kỳ năm trước; 129 ca bệnh Tay-Chân-Miệng, giảm 35,5%; 145 ca viêm gan vi rút các loại, gấp 8,05 lần; đã khám chữa bệnh cho 1.196,2 nghìn lượt người; điều trị nội trú 85,5 nghìn lượt người; phẫu thuật 12.004 lượt người. Đã thực hiện tiêm đủ liều cho 4.929 trẻ dưới 1 tuổi; tiêm sởi mũi 2 cho 6.359 trẻ em dưới 18 tháng tuổi; tiêm UV2+ cho 5.940 phụ nữ có thai.

Trong tháng, đã phát hiện thêm 10 trường hợp nhiễm mới HIV, nâng tổng số người nhiễm HIV đến nay là 2.832 người; số người đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 2.006 người và số người tử vong do AIDS đến nay là 1.321 người.

Về dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn vẫn đang được kiểm soát. Tính đến 16 giờ 00 ngày 16/5/2023, toàn tỉnh ghi nhận tích lũy 120.270 trường hợp mắc, 367 ca tử vong chiếm tỷ lệ 0,3%. Đối với công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19, tỷ lệ người dân trong độ tuổi được tiêm vắc xin phòng COVID-19 là 105,01% đối với mũi 1; 105,07% đối với mũi 2; 6,92% đối với mũi bổ sung; 86,49% đối với mũi nhắc lại lần 1 và 90,57% đối với mũi 4. Đối với nhóm trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi là 106,7% với mũi 1; 103,79% với mũi 2 và 61,41% với mũi nhắc lại lần 1. Đối với nhóm trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi là 95,67% với mũi 1 và 66,81% với mũi 2.

c. Văn hóa, thể thao

Ngành Văn hóa và Thể thao đã tổ chức tuyên truyền cổ động trực quan hưởng ứng Ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch); kỷ niệm 48 năm Ngày giải

phóng miền Nam (30/4/1975-30/4/2023), Ngày Quốc tế lao động 01/5, kỷ niệm 69 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 – 07/5/2023)... với 150 lá cờ Đảng, cờ Tổ Quốc, 110 lá cờ màu, 280 phướn.

Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh đã tổ chức 73 buổi chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào tại các điểm vùng sâu, vùng xa, hải đảo trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; 8 buổi tuyên truyền “Phòng, chống tham nhũng 2023” tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; tổ chức 6 biểu diễn Nghệ thuật đường phố và 6 buổi hô hát Bài chòi. Nhà hát Nghệ thuật truyền thống đã tổ chức 4 buổi biểu diễn Dân ca và 6 buổi biểu diễn Tuồng phục vụ nhân dân các huyện, thị; 8 buổi biểu diễn Nghệ thuật đường phố phục vụ nhân dân và du khách; ngoài ra, biểu diễn phục vụ các lễ hội truyền thống của nhân dân: Lễ hội Am Chúa; Lễ tế đình Cát Lợi– Vĩnh Lương, Lễ hội Tháp Bà... Đoàn Ca múa nhạc Hải Đăng đã hoàn thành chương trình và biểu diễn phục chiến sĩ và nhân dân huyện đảo Trường Sa, thực hiện các buổi biểu diễn phục vụ các hội nghị, hội thảo trên địa bàn tỉnh. Thư viện tỉnh đã phục vụ 5.473 lượt bạn đọc tại thư viện (3.480 lượt người lớn, 1.993 lượt thiếu nhi), 13.746 lượt bạn đọc qua mạng; số lượt sách báo phục vụ tại thư viện là 13.732 lượt; thực hiện cấp phát và gia hạn 198 thẻ bạn đọc.

Về thể thao, tỉnh Khánh Hòa đã cử các huấn luyện viên và các vận động viên tham dự SEA Games 32 và đạt được 01 huy chương Vàng, 01 huy chương Bạc, 01 huy chương Đồng. Trong tháng 5/2023 các đội tuyển đã tham gia vòng bảng giải Bóng chuyền Hạng A quốc gia năm 2023; Giải Vô địch các đội mạnh Vovinam toàn quốc lần thứ 14 năm 2023; Giải Vô địch Karate miền Trung - Tây Nguyên lần thứ IX năm 2023; vòng chung kết Giải Bóng đá U19 quốc gia năm 2023; với thành tích đạt được là 27 bộ huy chương (9 Vàng, 8 Bạc, 10 Đồng). Tính đến ngày 14/5/2023, các đội đã đạt được 94 bộ huy chương các loại (26 Vàng, 31 Bạc, 37 Đồng); có 9 vận động viên cấp kiện tướng và 15 vận động viên cấp I quốc gia.

d. Tai nạn giao thông⁴

Từ ngày 15/4/2023 đến 14/5/2023, toàn tỉnh đã xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 01 người; 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt và làm chết 01 người. So tháng trước, số vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 10 vụ, số người chết giảm 9 người, số người bị thương giảm 6 người. So cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 03 vụ, số người chết giảm 4

⁴ Theo báo cáo của Ban an toàn giao thông.

người, số người bị thương giảm 01 người; số vụ tai nạn giao thông đường sắt tăng 01 vụ, số người chết tăng 01 người.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023 (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/5/2023), trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 41 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 39 người, bị thương 18 người; 03 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 03 người. So cùng kỳ năm trước, tai nạn giao thông đường bộ giảm 01 vụ, giảm 7 người chết, tăng 4 người bị thương; tai nạn giao thông đường sắt tăng 03 vụ, số người chết tăng 03 người; tai nạn giao thông đường thủy giảm 01 vụ, giảm 01 người chết.

e. Tình hình cháy, nổ⁵

Trong tháng 5/2023 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 4 vụ cháy, tăng 01 vụ so tháng trước và tăng 03 vụ so cùng kỳ năm trước; không có thiệt hại về người và đang thống kê giá trị thiệt hại. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 15 vụ cháy, tăng 6 vụ so cùng kỳ năm trước; ước tính giá trị thiệt hại của 7 vụ cháy là 4,4 tỷ đồng và 8 vụ đang thống kê giá trị thiệt hại, tăng 2,5 tỷ đồng./.

Nơi nhận:

- Bí thư và các Phó Bí thư tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thị xã, tp;
- Lãnh đạo Cục;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Lê Thị Trúc Phương

⁵ Theo báo cáo nhanh của Công an tỉnh.



TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

5 tháng đầu năm 2023

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

(tính đến ngày 15/5/2023)

Diện tích gieo trồng
cây hàng năm (ha)

40.932,2 ↓6,85%



Diện tích gieo trồng
lương thực có hạt (ha)

27.340,1 ↓3,61%



Số lượng gia súc, gia cầm (nghìn con)
so năm trước

Trâu

3,8 ↓2,3%



Bò

63,7 ↑0,63%



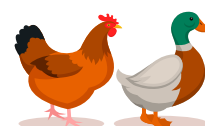
Lợn

289,9 ↑2,25%



Gia cầm

3.266 ↑2,61%



LÂM NGHIỆP

so năm trước

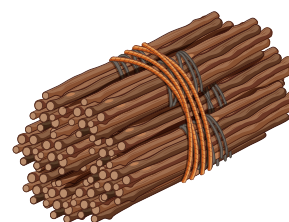
Sản lượng gỗ khai thác

30,9 nghìn m³ ↑27,51%



Sản lượng củi khai thác

9,4 nghìn ste ↑8,64%



THỦY SẢN

so năm trước

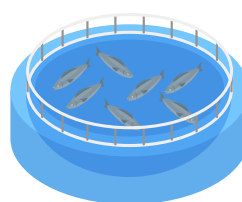
Sản lượng khai thác

49 nghìn tấn ↓0,22%



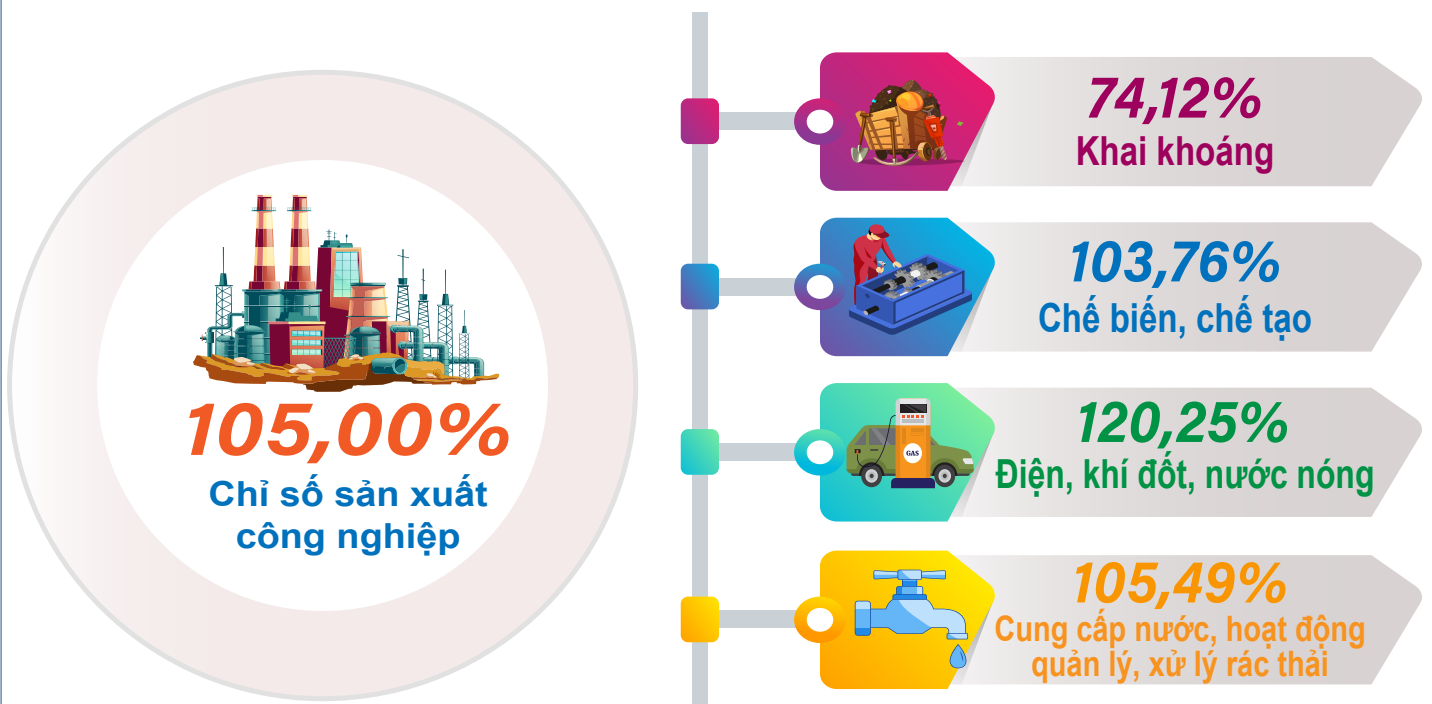
Sản lượng nuôi trồng

7,2 nghìn tấn ↑3,98%



SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm trước



TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ KINH DOANH

(tính đến ngày 15/5/2023)

Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới

798
Doanh nghiệp **↑ 0,38%**
so cùng kỳ năm trước



481

↓ 41,05%

Doanh nghiệp quay trở lại hoạt động



1.085

↑ 3,93%

Doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động



104

↓ 10,34%

Doanh nghiệp giải thể



VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.055 tỷ đồng

↑ **5,35%** so cùng kỳ năm trước



Vốn NSNN
cấp tỉnh

619,3
tỷ đồng

↑ **4,15%**

Vốn NSNN
cấp huyện

341,8
tỷ đồng

↑ **9,82%**

Vốn NSNN
cấp xã

93,9
tỷ đồng

↓ **1,73%**

THU, CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN

6.428 tỷ đồng

Tổng thu Ngân sách
↓ **15,57%** so cùng kỳ năm trước



4.596 tỷ đồng

Tổng chi Ngân sách
↑ **7,41%** so cùng kỳ năm trước

THƯƠNG MẠI

Tổng mức bán lẻ hàng hóa
và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

44.215
tỷ đồng

↑ **18,3%**
so cùng kỳ năm trước



Bán lẻ

28.740 tỷ đồng

↑ **12,75%**



Dịch vụ lữ hành

771 tỷ đồng

↑ **105,45%**



Lưu trú, ăn uống

9.105 tỷ đồng

↑ **47,76%**



Dịch vụ khác

5.599 tỷ đồng

↑ **4,71%**

XUẤT, NHẬP KHẨU

Xuất khẩu
616,9 triệu USD

↓ 2,5%
so cùng kỳ năm trước



Nhập khẩu
469,3 triệu USD

↓ 39,34%
so cùng kỳ năm trước

Xuất siêu
147,6 triệu USD

VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG BIỂN

Vận chuyển hành khách

12,6 triệu lượt người
↑ 34,54%



Luân chuyển hành khách

623,1 triệu lượt người.km
↑ 35,06%

Vận chuyển hàng hóa

16,3 triệu tấn
↑ 11,78%



Luân chuyển hàng hóa

1.636,8 triệu tấn.km
↑ 4%

CHỈ SỐ GIÁ

tháng 5 năm 2023 so cùng kỳ năm 2022

101,78%

Chỉ số giá tiêu dùng



95,88%

Chỉ số giá vàng



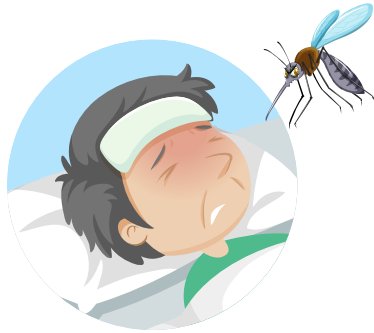
99,07%

Chỉ số giá Đô la Mỹ



MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm



Bệnh
sốt xuất huyết

1.451
ca



Bệnh
Tay - chân - miệng

129
ca



Ngộ độc
thực phẩm

03
ca

Tai nạn giao thông đường bộ (tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/5/2023)

Số vụ tai nạn

41

vụ

↓ 01

Số người chết

39

người

↓ 07

Số người bị thương

18

người

↑ 04

1. Sản xuất Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính 5 tháng đầu năm 2023	Thực hiện 5 tháng đầu năm 2022	5 tháng đầu năm 2023 so với (%)	
				KH 2023	5T/2022
a. Sản xuất nông nghiệp (Tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2023)					
* Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm (Tính từ đầu vụ Đông Xuân 2022-2023)	ha	40.932,2	43.944,5	60,19	93,15
<i>Trong đó:</i>					
- Cây lương thực	ha	27.340,1	28.365,4	54,73	96,39
+ Lúa	"	26.017,0	26.992,9	57,90	96,38
. Lúa đông xuân	"	19.461,0	19.908,9	96,75	97,75
. Lúa hè thu	"	6.556,0	7.084,0	36,48	92,55
. Lúa mùa	"			-	
+ Ngô	"	1.323,1	1.372,5	26,37	96,40
- Cây chất bột có củ	ha	2.576,5	2.949,9	88,97	87,34
+ Khoai lang	"	57,5	59,9	70,99	95,99
+ Sắn	"	2.373,0	2.721,7	88,71	87,19
+ Chất bột khác	"	146,0	168,3	104,29	86,75
- Cây thực phẩm	ha	2.306,0	2.374,0	42,88	97,14
+ Rau các loại	"	2.068,7	2.116,1	47,47	97,76
+ Đậu các loại	"	237,3	257,9	23,26	92,01
- Cây công nghiệp hàng năm	ha	7.993,9	9.529,4	81,77	83,89
<i>Trong đó:</i> + Mía	"	7.603,0	9.114,2	83,40	83,42
+ Thuốc lá	"	170,0	183,0		92,90
+ Lạc	"	209,5	218,4	50,48	95,92
b. Lâm nghiệp					
* Sản phẩm chủ yếu					
- Gỗ khai thác từ rừng trồng	m ³	30.904,0	24.236,3		127,51
- Diện tích rừng trồng mới tập trung	ha	7,0	60,0		11,67
c. Thủy sản					
* Tổng sản lượng thủy sản	tấn	56.201,6	56.034,2	48,53	100,30
- Sản lượng thủy sản khai thác	"	48.955,5	49.065,7	49,95	99,78
- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	"	7.246,1	6.968,5	40,71	103,98
<i>Trong đó:</i> + Sản lượng tôm thịt thu hoạch	"	1.545,1	1.424,7		108,45
+ Sản lượng tôm hùm thu hoạch	"	594,0	560,0		106,07
* Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	1.685,5	1.647,7	42,43	102,29

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Ước tính tháng 5 năm 2023 so với tháng trước	Ước tính tháng 5 năm 2023 so cùng kỳ năm trước	5 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	103,75	107,04	105,00
- Khai khoáng	105,61	74,48	74,12
- Công nghiệp chế biến, chế tạo	97,33	101,52	103,76
- Sản xuất chế biến thực phẩm	71,74	78,24	84,85
- Sản xuất đồ uống	117,41	101,80	108,00
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	77,10	112,56	118,83
- Dệt	108,54	114,23	110,40
- Sản xuất trang phục	173,01	76,85	89,99
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	105,93	203,02	118,02
- Chế biến gỗ và SX SP từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); SP từ rơm, rạ và vật liệu tẻ, bện	104,00	63,52	92,01
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	97,01	200,28	201,35
- In, sao chép bản ghi các loại	66,69	47,37	58,99
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	109,67	125,47	104,40
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	103,46	87,87	96,67
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ MMTB)	98,31	115,15	104,58
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	138,39	109,33	92,79
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	108,92	126,48	121,58
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	103,57	89,89	84,92
- Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	114,53	75,02	92,91
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	169,40	159,99	120,25
- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	102,84	107,81	105,49

3. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 5 năm 2023	5 tháng đầu năm 2023	Tháng 5 năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)
- Đá xây dựng khác	m ³	57.226,2	253.661,9	73,51	72,70
- Cá ngừ đông lạnh	tấn	1.763,6	8.490,0	71,55	58,24
- Cá khác đông lạnh	tấn	1.461,0	8.212,9	64,98	77,33
- Tôm đông lạnh	tấn	1.758,2	8.172,9	81,56	86,31
- Đường RE	tấn	-	70.480,0	-	264,08
- Đường RS	tấn	16.214,0	68.254,0	102,14	89,33
- Bia đóng chai	nghìn lít	75,5	231,5	205,02	130,02
- Bia đóng lon	nghìn lít	5.211,0	20.955,4	129,21	110,48
- Nước yến và nước bổ dưỡng khác	nghìn lít	5.455,4	30.494,2	97,56	107,63
- Thuốc lá có đầu lọc	nghìn bao	74.965,0	429.634,0	112,56	118,83
- Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa	tấn	305,0	1.316,0	114,23	110,40
- Bộ quần áo thể thao khác	nghìn cái	500,0	2.855,3	76,85	91,92
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	m ²	9.736,4	44.739,0	98,41	115,01
- Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	chiếc	3.197,3	13.001,8	131,97	120,52
- Bàn bằng gỗ các loại	chiếc	15.666,4	64.811,9	80,48	79,68
- Điện sản xuất	triệu Kwh	141,2	350,2	228,93	131,29
- Điện thương phẩm	triệu Kwh	300,0	1.327,8	110,58	112,39

4. Doanh nghiệp và Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 5 năm 2023	5 tháng đầu năm 2023	Tháng 5 năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2023 so với (%)	
					KH 2023	5T/2022
a. Một số chỉ tiêu về doanh nghiệp (Tính đến ngày 15/5/2023)						
- Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	doanh nghiệp	89	798	121,92	-	100,38
- Vốn đăng ký mới	tỷ đồng	282,4	3.471,6	40,57	-	39,89
- Doanh nghiệp hoạt động trở lại	doanh nghiệp	37	481	119,35	-	58,95
- Doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động	"	45	1.085	90,00	-	103,93
- Doanh nghiệp đã giải thể	"	11	104	157,14	-	89,66
b. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước						
- Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	triệu đồng	320.000	1.055.018	100,23	22,12	105,35
- Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện	"	192.000	619.365	106,97	17,59	104,15
- Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	"	93.000	341.793	91,24	37,31	109,82
- Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	"	35.000	93.860	92,48	28,34	98,27

5. Thương mại và du lịch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 5 năm 2023	5 tháng năm 2023	Tháng 5 năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2023 so với (%)	
					KH 2023	5T/2022
a. Tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng	triệu đồng	15.139.039	73.499.233	113,67	-	119,02
<i>* Trong đó: Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng</i>	"	9.325.753	44.214.769	114,96	45,91	118,30
<i>Chia theo ngành kinh tế:</i>						
- Ngành Thương mại	triệu đồng	5.842.402	28.739.597	109,96	-	112,75
- Ngành Dịch vụ lưu trú, ăn uống	"	2.117.182	9.105.336	138,90	-	147,76
- Ngành Dịch vụ lữ hành	"	206.200	771.202	252,49	-	205,45
- Ngành Dịch vụ khác	"	1.159.969	5.598.634	97,25	-	104,71
Mặt hàng bán ra chủ yếu của các DNNN						
- Xăng, dầu các loại	m ³	32.700	166.962	94,11	-	99,99
- Thuốc lá điếu	nghìn bao	58.333	277.717	107,39	-	102,92
b. Xuất, nhập khẩu						
<i>* Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa</i>	nghìn USD	91.190	616.929	66,40	35,25	97,50
Mặt hàng xuất chủ yếu						
- Thủy sản các loại	tấn	7.700	34.862	88,78	-	77,50
- Cà phê	"	6.890	31.374	135,70	-	119,97
- Tàu biển (trọng tải 81.000 tấn)	chiếc	-	-	-	-	-
- Tàu biển (trọng tải 50.000 tấn)	"	-	6	-	-	150,00
<i>* Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa</i>	nghìn USD	121.500	469.277	82,15	40,63	60,66
Mặt hàng nhập chủ yếu						
- Giấy các loại	tấn	31	111	25,83	-	62,22
- Xơ, sợi dệt các loại	"	-	3	-	-	0,41
- Sắt, thép các loại	"	14.100	70.721	123,61	-	127,60
c. Du lịch						
- Tổng doanh thu du lịch	triệu đồng	1.805.183	7.844.202	143,42	37,35	207,38
- Khách lưu trú	lượt người	450.000	1.600.185	192,07	40,00	229,82
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	"	150.000	511.581	1.952,87	34,11	1.733,76
- Ngày khách lưu trú	ngày khách	1.200.000	4.435.904	218,28	38,57	258,47
<i>Trong đó: Ngày khách quốc tế</i>	"	650.000	2.262.269	1.614,31	33,27	1.604,94

6. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Chỉ số giá tháng 5 năm 2023 so với:				Chỉ số giá bình quân 5 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
	Kỳ gốc 2019	Tháng 5 năm 2022	Tháng 12 năm 2022	Tháng 4 năm 2023	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	108,87	101,78	98,16	99,89	103,82
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	111,57	103,49	100,02	100,03	104,48
<i>Trong đó: Lương thực</i>	<i>120,78</i>	<i>106,79</i>	<i>104,06</i>	<i>100,16</i>	<i>104,76</i>
<i>Thực phẩm</i>	<i>109,91</i>	<i>103,47</i>	<i>98,90</i>	<i>99,98</i>	<i>104,35</i>
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	<i>112,07</i>	<i>102,55</i>	<i>100,86</i>	<i>100,08</i>	<i>104,75</i>
2. Đồ uống và thuốc lá	109,68	102,60	100,18	100,01	102,65
3. May mặc, giày dép và mũ nón	106,43	101,69	100,35	100,07	101,79
4. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	110,20	104,98	102,13	100,78	104,69
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,46	101,45	100,44	100,18	102,06
6. Thuốc và dịch vụ y tế	102,24	100,00	100,00	100,00	100,00
7. Giao thông	106,45	86,94	100,80	95,98	93,57
8. Bưu chính, viễn thông	99,99	99,99	100,00	100,00	99,99
9. Giáo dục	106,56	102,84	58,48	100,19	127,99
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	101,72	101,85	100,71	100,26	101,71
11. Hàng hóa và dịch vụ khác	112,47	103,67	101,18	100,15	104,07
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	170,44	95,88	99,96	100,09	101,33
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	100,96	99,07	95,69	99,84	100,36

7. Giá bán lẻ hàng hóa một số mặt hàng

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Tháng 5 năm 2023	Tháng 5 năm 2022	Tháng 12 năm 2022
1	Gạo tẻ thường (ML202)	đồng/kg	13.170	12.147	12.514
2	Gạo tẻ ngon (Gò Công)	đồng/kg	20.927	20.291	20.331
3	Gạo nếp thường	đồng/kg	18.618	17.465	17.664
4	Sắn tươi	đồng/kg	13.549	13.150	13.388
5	Thịt lợn mỡ sấn	đồng/kg	106.174	106.429	107.622
6	Thịt bò bắp	đồng/kg	245.284	244.325	244.424
7	Gà mái ta làm sạch, loại bỏ nội tạng	đồng/kg	131.160	125.476	127.532
8	Trứng vịt loại vừa	đồng/10 quả	32.492	31.468	37.472
9	Dầu ăn Neptune 1 lít	đồng/lít	60.189	60.455	59.132
10	Cá thu khúc giữa	đồng/kg	258.591	251.967	260.129
11	Đậu phụng loại 1	đồng/kg	46.823	45.372	45.889
12	Đậu xanh hạt loại 1	đồng/kg	40.625	38.692	38.342
13	Đậu nành	đồng/kg	19.588	18.889	19.599
14	Muối hạt	đồng/kg	5.000	3.663	5.000
15	Nước mắm cá cơm 40 độ đậm	đồng/lít	121.313	118.114	120.680
16	Bột ngọt Ajinomoto gói 454g	đồng/kg	69.363	68.621	69.131
17	Sữa đặc có đường hiệu Ông Thọ	đồng/hộp	23.000	22.000	23.000
18	Nước khoáng Lavie 500ml	đồng/lít	9.128	9.033	9.159
19	Bia chai Sài Gòn 450ml	đồng/lít	16.648	16.381	16.381
20	Thuốc lá White Horse Khánh Hoà	đồng/bao	25.000	24.164	25.000
21	Đường trắng kết tinh Khánh Hòa	đồng/kg	22.927	20.864	22.971
22	Giấy kẻ ngang 20 tờ/tập	đồng/tập	5.621	5.317	5.317
23	Vitamin B1-100mg, lọ 100 viên	đồng/100viên	7.880	7.880	7.880
24	Xi măng đen PC40 Hoàng Thạch	đồng/kg	1.754	1.733	1.726
25	Gạch xây (gạch ống Tuynen)	đồng/viên	1.113	1.094	1.155
26	Dầu hỏa	đồng/lít	18.645	24.973	23.001
27	Xăng E5	đồng/lít	21.265	29.119	21.177
28	Điện sinh hoạt	đồng/kwh	2.285	2.244	2.203
29	Gas đun (bình 12 kg-Shellgas)	đồng/kg	33.874	40.615	36.657
30	Nước máy	đồng/m ³	6.780	5.808	6.831
31	Vàng 99,99%	nghìn đồng/chỉ	6.719	7.007	6.721
32	Đô la Mỹ	đồng/USD	23.467	23.686	24.524

8. Vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 5 năm 2023	5 tháng đầu năm 2023	Tháng 5 năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)
a. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ	tỷ đồng	709,0	3.345,5	109,14	112,32
- Vận tải hành khách	"	140,2	661,6	103,69	145,47
- Vận tải hàng hóa	"	310,3	1.449,0	116,74	114,31
- Kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải	"	258,5	1.234,9	103,98	98,31
b. Vận tải hành khách và hàng hóa					
* Hành khách					
- Vận chuyển	nghìn l ng	2.771,0	12.764,7	96,16	134,57
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìn l ng	2.561,1	11.787,1	92,93	128,85
+ Đường thủy	"	185,9	850,3	190,86	346,92
- Luân chuyển	nghìnl ng.km	146.283,6	681.041,6	97,02	135,67
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìnl ng.km	134.177,4	615.586,7	97,57	134,03
+ Đường thủy	"	1.606,2	7.536,8	193,47	361,56
* Hàng hóa					
- Vận chuyển	nghìn tấn	3.398,6	16.296,8	109,72	111,76
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìn tấn	3.330,6	16.053,1	108,91	112,22
+ Đường thủy	"	55,0	201,1	172,96	85,00
- Luân chuyển	nghìn t.km	374.310,0	1.665.761,1	121,96	103,56
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìn t.km	271.830,0	1.320.435,5	110,47	112,70
+ Đường thủy	"	92.480,0	316.396,3	170,41	78,66

9. Tài chính

Chi tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 5 năm 2023	5 tháng đầu năm 2023	Tháng 5 năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2023 so với (%)	
					KH 2023	5T/2022
a. Tổng thu ngân sách nhà nước	triệu đồng	1.117.823	6.427.721	88,30	41,62	84,43
* Thu từ SXKD trong nước	"	904.139	5.577.721	83,60	41,44	96,11
- Doanh nghiệp nhà nước trung ương	"	32.485	175.000	133,41	35,00	90,41
- Doanh nghiệp nhà nước địa phương	"	233.575	1.452.000	97,27	44,54	110,51
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"	65.236	313.000	105,50	28,98	65,42
- Thu ngoài quốc doanh	"	244.203	1.580.000	118,92	46,62	112,36
- Lệ phí trước bạ	"	-	152.219	-	27,68	53,12
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	"	-	2	-	-	100,00
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	"	813	4.500	74,59	28,13	37,39
- Thuế thu nhập cá nhân	"	139.095	750.000	71,32	53,96	85,73
- Thu thuế bảo vệ môi trường	"	48.223	220.000	82,77	20,00	52,92
- Thu xổ số kiến thiết	"	19.037	155.000	126,86	70,45	131,35
- Thu phí và lệ phí	"	25.951	125.000	158,51	56,82	120,49
- Thu tiền sử dụng đất	"	40.460	250.000	60,54	29,41	95,47
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	"	13.791	50.000	20,05	16,67	46,85
- Thu tiền bán nhà và thuê nhà thuộc SHNN	"	-	-	-	-	-
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi CS	"	8	3.000	0,35	15,79	33,73
- Thu tiền sử dụng khu vực biển	"	-	-	-	-	-
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	"	2.030	14.000	16,75	31,11	69,72
- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	"	4.069	184.000	277,18	96,84	244,20
- Thu khác ngân sách	"	35.163	150.000	99,35	45,45	117,47
* Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	"	213.684	850.000	115,86	42,82	46,99
b. Chi cân đối ngân sách địa phương	triệu đồng	865.348	4.595.679	111,02	30,86	107,41
* Chi đầu tư phát triển	"	188.433	1.844.919	78,72	28,05	111,31
<i>Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản</i>	"	<i>165.863</i>	<i>670.000</i>	<i>154,97</i>	<i>26,67</i>	<i>166,99</i>
* Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	"	-	-	-	-	-
* Chi trả nợ vốn vay đầu tư	"	-	-	-	-	-
* Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ TC	"	-	-	-	-	-
* Dự phòng ngân sách	"	-	-	-	-	-
* Chi thường xuyên	"	676.915	2.750.760	125,34	34,11	104,94
- Chi sự nghiệp kinh tế	"	184.704	365.000	412,59	23,93	140,90
- Chi sự nghiệp văn xã	"	344.054	1.687.260	99,94	35,99	98,98
- Chi quản lý hành chính	"	78.065	527.000	95,53	38,65	106,85
- Chi quốc phòng, an ninh	"	28.763	107.500	104,73	37,06	102,81
- Chi khác ngân sách	"	41.329	64.000	98,74	32,36	107,28
* Chi khác	"	-	-	-	-	-

10. Trật tự, an toàn xã hội

Chi tiêu	Tháng 5 năm 2023	5 tháng đầu năm 2023	Tháng 5 năm 2023 so với kỳ trước (%)	Tháng 5 năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông (Tính từ 15/4/2023 đến 14/5/2023)					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	2	44	16,67	50,00	102,33
Đường bộ	1	41	9,09	25,00	97,62
Đường sắt	1	3	100,00	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người chết (Người)	2	42	18,18	40,00	89,36
Đường bộ	1	39	10,00	20,00	84,78
Đường sắt	1	3	100,00	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	18	-	-	128,57
Đường bộ	-	18	-	-	128,57
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Cháy, nổ (Tính từ ngày 16/4/2023 đến 15/5/2023)					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	4	15	133,33	400,00	166,67
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng) ^(*)	-	4.367	-	-	235,31

(*): Giá trị tài sản thiệt hại ước tính của 07 vụ cháy, nổ; 08 vụ đang thống kê giá trị